

TTĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/CT-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 30.5.2024

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030

Bối cảnh kinh tế thế giới, khu vực và trong nước thời gian qua và dự báo trong những năm sắp tới vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường; hòa bình, hợp tác, hội nhập quốc tế vẫn là xu thế chủ đạo, song xung đột, đối đầu, cạnh tranh các nước lớn, chủ nghĩa dân tộc, bảo hộ vẫn xuất hiện ở nhiều nơi. Tăng trưởng kinh tế, đầu tư, thương mại toàn cầu chưa thực sự vững chắc, còn nhiều rủi ro. Xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo là yêu cầu khách quan; kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, vừa tạo ra thời cơ, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với mọi quốc gia.

Ở trong nước, thế và lực của đất nước ngày càng được củng cố. Chính trị và kinh tế vĩ mô ổn định vẫn là nền tảng quan trọng. Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, hội nhập quốc tế đã, đang và sẽ là nhiệm vụ quan trọng tác động, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công; các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách Trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, để thực hiện hóa mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đã đặt ra đến năm 2030 là nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và hướng đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, đòi hỏi phải có tư duy phát triển mới, quan điểm, giải pháp đột phá, quyết tâm chính trị cao ở tất cả các ngành, các cấp. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương), các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các địa phương) triển khai công tác xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm (Nghị định số 45/2017/NĐ-CP); Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm (Nghị định số 31/2017/NĐ-CP), cơ chế đặc thù đối với các địa phương theo quy định và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ triển khai các Nghị quyết của Trung ương khóa XIII, chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các tài liệu dự kiến trình Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 (trong đó có các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu về tài chính, ngân sách, nợ công).

3. Phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế - xã hội thế giới, khu vực và thực tế triển khai giai đoạn 2021 - 2025 và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn thu ngân sách nhà nước, huy động và trả nợ, các yêu cầu giới hạn an toàn tài chính quốc gia trong giai đoạn 2026 - 2030; chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về phân cấp ngân sách và quy định về định mức phân bổ chi đầu tư, thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách tiếp theo, nguyên tắc quản lý an toàn nợ công; phát huy tính tự lực, tự cường của các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị.

4. Triệt để cắt giảm chi thường xuyên, các khoản chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, các khoản chi không thực sự cần thiết, cấp bách như hội họp, tiếp khách, đi công tác nước ngoài... Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung cho tăng trưởng, đầu tư phát triển, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún, có tính chất xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái của đất nước và của các bộ, cơ quan, địa phương.

5. Công khai, minh bạch, hiệu quả, chống tiêu cực, tham nhũng trong việc giao chỉ tiêu thu - chi ngân sách nhà nước; tăng cường phân công, phân cấp, phân

quyền theo quy định của pháp luật, cá thể hóa trách nhiệm gắn với kiểm tra, giám sát, phân bổ nguồn lực hợp lý, đặc biệt coi trọng và phát huy vị trí, vai trò của người đứng đầu.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025

Việc đánh giá tình hình thực hiện 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 phải làm rõ những kết quả đạt được gắn với mục tiêu đã đề ra trong các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương khóa XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; các Nghị quyết của Quốc hội về các kế hoạch 5 năm; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về các kế hoạch 05 năm địa phương; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Chiến lược trong lĩnh vực tài chính, nợ công, thuế, hải quan, dự trữ quốc gia, phát triển các thị trường tài chính (chứng khoán, bảo hiểm,...) đến năm 2030; những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân chủ quan, khách quan, bài học kinh nghiệm rút ra trong bối cảnh thực hiện giai đoạn 2021 - 2025.

Trong tổ chức thực hiện đánh giá kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các cơ quan có liên quan tập trung phân tích, đánh giá các nội dung chủ yếu sau:

a) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2021 - 2025:

(1) Bối cảnh triển khai các nhiệm vụ, những yếu tố thuận lợi, thách thức trong tổ chức thực hiện, trong đó lưu ý các vấn đề về chính trị, kinh tế - xã hội trọng tâm, các yếu tố khách quan (dịch bệnh, xung đột,...) có tác động đến lĩnh vực tài chính - ngân sách;

(2) Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính, nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước.

(3) Trên cơ sở tình hình thực hiện các năm giai đoạn 2021 - 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025,

gồm:

- Thu, cơ cấu thu ngân sách nhà nước (theo lĩnh vực, theo sắc thuế và phân cấp); tính bền vững của nguồn thu, cơ cấu ngân sách nhà nước, vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

- Chi, cơ cấu chi ngân sách theo lĩnh vực chi đầu tư phát triển (việc đảm bảo nguồn chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt), chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi dự trữ quốc gia,...; theo chức năng kinh tế trong ngành, lĩnh vực và phân cấp ngân sách nhà nước.

- Việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội¹.

- Bội chi ngân sách nhà nước;

- Nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia;

- Huy động vốn vay trong và ngoài nước;

- Phát triển thị trường và dịch vụ tài chính;

- Công tác cổ phần hóa, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước;

- Việc thực hiện các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Việc đánh giá thực hiện cần tập trung làm rõ các chỉ tiêu đạt được, chưa đạt được; kết quả thực hiện các mục tiêu, nguồn lực tài chính tác động đến và gắn với kết quả, hiệu quả thực hiện các mục tiêu, chương trình/đề án/nhiệm vụ trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

(4) Đánh giá tình hình huy động và phân phối các nguồn lực tài chính trong 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó làm rõ việc thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán ngân sách nhà nước gắn với kết quả, khả năng hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 của các mục tiêu đột phá chiến lược, các kế hoạch tài chính, đầu tư trung hạn, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong cả giai đoạn 2021 - 2025 hoặc đến năm 2030; việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương, lương hưu, trợ cấp người có công,

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; các Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội của của Ban chấp hành Trung ương khóa XII; Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm 2021 - 2025.

các chính sách an sinh xã hội; số kinh phí cắt giảm/dành ra gắn với thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế hành chính và giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước gắn với quá trình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước.

(5) Đánh giá chi tiết việc triển khai từng nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong giai đoạn đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm, trong đó lưu ý một số các yếu tố khách quan bên ngoài, như: ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, xung đột quân sự ở một số khu vực,... tác động đến tăng trưởng kinh tế, thị trường, giá cả, lạm phát và các giải pháp ứng phó trong điều hành nhằm hoàn thành cao nhất các mục tiêu đã đề ra.

(6) Trên cơ sở đó làm rõ các mặt được và chưa được, những hạn chế, khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện; phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan và bài học kinh nghiệm.

b) Đánh giá tình hình thực hiện tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025:

Ngoài các nội dung đánh giá chung nêu tại điểm a ở trên, đề nghị đánh giá cụ thể các vấn đề thuộc thẩm quyền địa phương, trong đó:

(1) Đánh giá việc ban hành các chế độ, chính sách về thu, chi theo thẩm quyền; số thu và số chi đối với các chế độ, chính sách này trong từng năm và 05 năm 2021 - 2025.

(2) Đánh giá các kết quả chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước, gồm:

- Tổng số thu và cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn từng năm và 05 năm; phần thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, trong đó chi tiết thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và các giải pháp về chính sách và quản lý thu đã triển khai nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Tổng số thu phí, lệ phí thu được; số chi từ nguồn phí để lại cho các cơ quan thu và số tiền phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước.

- Tình hình thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổng số chi và cơ cấu chi ngân sách của địa phương; trong đó chi tiết chi đầu tư phát triển và cơ cấu chi đầu tư phát triển theo tính chất nguồn vốn (nguồn xây dựng cơ bản tập trung, nguồn sử dụng đất, nguồn xổ số kiến thiết, nguồn bội

chi ngân sách địa phương); chi thường xuyên; chi trả nợ lãi; việc cơ cấu lại chi ngân sách địa phương, số kinh phí cắt giảm/dành ra gắn với thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế hành chính và giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước gắn với quá trình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và việc sử dụng nguồn kinh phí này trong từng năm và 05 năm qua; tổng chi quỹ lương của địa phương và nguồn cải cách tiền lương.

- Tình hình bội chi ngân sách địa phương từng năm và bình quân 05 năm 2021 - 2025; quy mô huy động của địa phương từng năm và 05 năm, chi tiết theo nguồn vốn huy động, theo mục đích sử dụng; nợ chính quyền địa phương thời điểm cuối các năm và cơ cấu dư nợ theo nguồn vốn; huy động (phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; vay lại nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; vay ngân quỹ nhà nước; vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam; vay ngân hàng thương mại và vay khác); việc chi trả nợ gốc và nguồn chi trả nợ gốc từng năm và 5 năm qua.

(3) Việc thực hiện cơ chế tài chính đặc thù và các quy hoạch của địa phương gắn với kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương.

(4) Đánh giá thực hiện cần tập trung lưu ý làm rõ về các chỉ tiêu đạt được, chưa đạt được; kết quả thực hiện các mục tiêu, nguồn lực tài chính gắn với các kết quả, hiệu quả thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội, các chương trình/đề án/nhiệm vụ cụ thể tại địa phương. Trên cơ sở đó, phân tích những hạn chế, khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện; các nguyên nhân khách quan, chủ quan và bài học kinh nghiệm.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030:

a) Dự báo bối cảnh, tình hình chính trị, kinh tế, tài chính thế giới và trong nước có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

b) Phân tích những khó khăn, thách thức, các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2026 - 2030.

c) Xây dựng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước, gồm: Thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách nhà nước; nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách nhà nước trong 05 năm giai đoạn 2026 - 2030.

d) Xác định khung cân đối ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm:

- Tổng thu ngân sách nhà nước, chi tiết cơ cấu thu theo lĩnh vực;
- Tổng chi ngân sách nhà nước, chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, các khoản chi khác; các yếu tố tác động đến chi ngân sách nhà nước, trong đó có việc thực hiện tổng thể chính sách cải cách tiền lương và các chính sách về lương hưu, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội;
- Cân đối ngân sách nhà nước: Bội chi ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách trung ương; tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc;

đ) Các chỉ tiêu về quản lý nợ theo quy định của Luật Quản lý nợ công trong giai đoạn 2026 - 2030, gắn với định hướng thu hút vốn ODA thể hệ mới.

e) Các nhiệm vụ giải pháp tài chính nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, gồm giải pháp đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; giải pháp thu ngân sách nhà nước; giải pháp quản lý đảm bảo cơ cấu chi, hiệu quả chi ngân sách nhà nước; giải pháp quản lý đảm bảo an toàn, bền vững nợ công; giải pháp về phát triển thị trường, dịch vụ tài chính, huy động các nguồn lực quốc tế trong các lĩnh vực mới nổi; quản lý tài sản công, doanh nghiệp nhà nước, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, khu vực quản lý nhà nước.

2. Xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2026 - 2030:

a) Dự báo tình hình kinh tế, tài chính, chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tại địa phương (tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP), chỉ số giá tiêu dùng, tăng trưởng của các lĩnh vực sản xuất, ngành hàng và giá các sản phẩm, hàng hóa chủ chốt) có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách địa phương trong 05 năm giai đoạn 2026 - 2030.

b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương; mục tiêu, định hướng huy động và phân phối các nguồn lực của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch.

c) Xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu; khung cân đối về tài chính - ngân sách của địa phương trên cơ sở các chính sách, chế độ hiện hành; bao gồm:

- Thu và cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn phù hợp với các dự kiến trình

cấp thẩm quyền về định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trong cùng kỳ; thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (chi tiết thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế); các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp, lĩnh vực có nguồn thu lớn.

Dự kiến các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế thuộc phạm vi quản lý của địa phương 05 năm 2026 - 2030.

- Chi ngân sách địa phương, gồm: Tổng chi và cơ cấu chi ngân sách trên cơ sở các cơ chế, chính sách năm 2025, chi tiết theo chi đầu tư phát triển (trong đó làm rõ cơ cấu chi đầu tư phát triển theo tính chất nguồn xây dựng cơ bản tập trung, nguồn sử dụng đất, nguồn xổ số kiến thiết, nguồn bội chi ngân sách địa phương), chi thường xuyên, chi trả nợ lãi và tổng chi quỹ lương của địa phương; các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo cơ cấu chi hợp lý, bền vững, nâng cao hiệu quả chi ngân sách địa phương;

Dự kiến nguồn thực hiện chính sách mới theo quy định và nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn dành ra từ việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế (nếu có).

- Cân đối ngân sách địa phương: Bội chi hoặc bội thu ngân sách địa phương; tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương.

d) Các chỉ tiêu về quản lý nợ của địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương; dự kiến vay, trả nợ.

đ) Dự báo những rủi ro tác động đến khung cân đối ngân sách địa phương và các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương.

e) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan trung ương có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định, đảm bảo tiến độ theo quy định tại Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14, Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 và

Nghị định số 45/2017/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trình cấp thẩm quyền; gửi các địa phương để hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, trình Hội đồng nhân dân quyết định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 05 năm 2026 - 2030 gửi Bộ Tài chính làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo tiến độ theo quy định tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 trình cấp thẩm quyền; gửi các địa phương để hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, trình Hội đồng nhân dân quyết định.

3. Các bộ, cơ quan trung ương:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 05 năm giai đoạn sau của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

b) Chủ động xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của giai đoạn 2021 - 2025 gắn kết với các mục tiêu, nguồn lực tài chính bố trí trong giai đoạn; dự kiến mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các điều chỉnh chính sách thuộc phạm vi quản lý và đánh giá tác động, nhu cầu tài chính, ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2026 - 2030; trên cơ sở đó gửi và phối hợp với Bộ Tài chính để hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

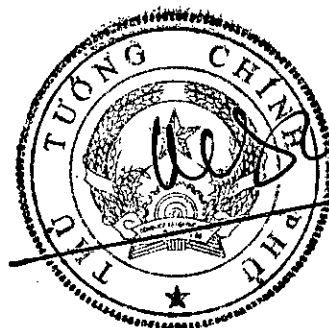
a) Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan và trên cơ sở Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gửi xin ý kiến và hoàn chỉnh theo ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đảm bảo về yêu cầu, nội dung và thời gian theo quy định tại các Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân,
TGD Công TTĐT,
các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (3).MO

THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính